

Số: 178 /TM-BV

Kiên Giang, ngày 27 tháng 02 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp Trang phục y tế.

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Kiên Giang hiện có nhu cầu tìm nhà thầu thực hiện một số công việc như sau: Mua sắm trang phục y tế năm 2023 và năm 2024 cho đơn vị.

Chúng tôi trân trọng mời Quý công ty (đơn vị) tham gia chào giá gói thầu: theo nội dung, đơn vị và số lượng cụ thể như sau:

STT	Trang phục	Tiêu chí, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Trang phục Bác sĩ	- Áo: Chất liệu vải: Kate ford Màu sắc: màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M ²) ISO(3801:1977) 153.8±0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) 252x264 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C, Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%)(ISO 1833:2019) Polyester 67.5 ± 0.5, Cotton 32.5 ± 0.5 - Quần: Nam: Chất liệu vải: Kaki không thun Màu sắc: Trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M ²) (ISO 3821:1977) 229.1 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/cm)(ISO 7211-2:1984) 460x236 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010), Phai màu 4-5 Định tính và định lượng	Bộ	36		

STT	Trang phục	Tiêu chí, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		nguyên liệu (%)(ISO 1833: 2019) Polyester 88.9 ± 0.5 Cotton 11.1 ± 0.5 Nữ: Chất liệu vải: Kaki thun Màu sắc: trắng Khối lượng vải (G/M ²)(ISO 3801:1977) 246.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) $456 \times 332 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C, () (Cấp)(ISO 105-C06 A1S:2010) Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%)(ISO 1833: 2019) Polyester 73.2 ± 0.5 Rayon 24.5 ± 0.5 Spandex 2.3 ± 0.5				
2	Áo Bác sĩ	- Áo: Chất liệu vải Kate ford Màu sắc: màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M ²) ISO(3801:1977) 153.8 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) $252 \times 264 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C, Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%)(ISO 1833:2019) Polyester 67.5 ± 0.5 , Cotton 32.5 ± 0.5	Cái	36		
3	Trang phục Điều dưỡng viên, hộ sinh viên, y sĩ	- Áo: Chất liệu vải Kate ford Màu sắc: màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M ²) ISO(3801:1977) 153.8 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) $252 \times 264 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C, Phai màu 4-5 Định tính và định lượng	Bộ	58		

STT	Trang phục	Tiêu chí, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		nguyên liệu (%)(ISO 1833:2019) Polyester 67.5 ± 0.5, Cotton 32.5 ± 0.5 '- Quần: Nam: Chất liệu vải: Kaki không thun Màu sắc: Trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M ²) (ISO 3821:1977) 229.1 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/cm)(ISO 7211-2:1984) 460x236 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010), Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%)(ISO 1833: 2019) Polyester 88.9 ± 0.5 Cotton 11.1 ± 0.5 Nữ: Chất liệu vải: Kaki thun Màu sắc: trắng Khối lượng vải (G/M ²) (ISO 3801:1977) 246.2 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) 456x332 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C, () (Cấp)(ISO 105-C06 A1S:2010) Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%)(ISO 1833: 2019) Polyester 73.2 ± 0.5 Rayon 24.5 ± 0.5 Spandex 2.3 ± 0.5				
4	Điều dưỡng viên, hộ sinh viên, y sĩ	- Áo: Chất liệu vải Kate ford Màu sắc: màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M ²) ISO(3801:1977) 153.8±0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) 252x264 ±2	Cái	58		

STT	Trang phục	Tiêu chí, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Độ bền màu giặt ở 40°C, Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 67.5 ± 0.5, Cotton 32.5 ± 0.5				
5	Trang phục Dệt sĩ	- Áo: Chất liệu vải Kate ford Màu sắc: màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M ²) ISO(3801:1977) 153.8±0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) 252x264 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C, Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 67.5 ± 0.5, Cotton 32.5 ± 0.5 - Quần: Nam: Chất liệu vải: Kaki không thun Màu sắc: Trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M ²) (ISO 381:1977) 229.1 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/cm) (ISO 7211-2:1984) 460x236 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010), Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 88.9 ± 0.5 Cotton 11.1 ± 0.5 Nữ: Chất liệu vải: Kaki thun Màu sắc: trắng Khối lượng vải (G/M ²) (ISO 3801:1977) 246.2 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) 456x332 ±2	Bộ	22		

STT	Trang phục	Tiêu chí, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Độ bền màu giặt ở 40°C, (Cấp)(ISO 105-C06 A1S:2010) Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%)(ISO 1833: 2019) Polyester 73.2 ± 0.5 Rayon 24.5 ± 0.5 Spandex 2.3 ± 0.5				
6	Dược sĩ	- Áo: Chất liệu vải Kate ford Màu sắc: màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M²) ISO(3801:1977) 153.8±0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) 252x264 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C, Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%)(ISO 1833:2019) Polyester 67.5 ± 0.5, Cotton 32.5 ± 0.5	Cái	22		
7	Trang phục Kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh làm việc chuyên môn tại các khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng thuộc cơ sở khám bệnh, chữa	- Áo: Chất liệu vải Kate ford Màu sắc: màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M²) ISO(3801:1977) 153.8±0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) 252x264 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C, Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%)(ISO 1833:2019) Polyester 67.5 ± 0.5, Cotton 32.5 ± 0.5 '- Quần: Nam: Chất liệu vải: Kaki không thun Màu sắc: Trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M²) (ISO 3821:1977) 229.1 ±0.2	Bộ	32		

STT	Trang phục bệnh	Tiêu chí, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Mật độ vải (Sợi/cm)(ISO 7211-2:1984) 460x236 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010), Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833: 2019) Polyester 88.9 ± 0.5 Cotton 11.1 ± 0.5 Nữ: Chất liệu vải: Kaki thun Màu sắc: trắng Khối lượng vải (G/M²) (ISO 3801:1977) 246.2 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) 456x332 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp)(ISO 105-C06 A1S:2010) Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833: 2019) Polyester 73.2 ± 0.5 Rayon 24.5 ± 0.5 Spandex 2.3 ± 0.5				
8	Áo Kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh làm việc chuyên môn tại các khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng thuộc cơ sở khám	- Áo: Chất liệu vải: Kate ford Màu sắc: màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M²) ISO(3801:1977) 153.8±0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) 252x264 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C, Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 67.5 ± 0.5, Cotton 32.5 ± 0.5	Cái	32		

STT	Trang phục bệnh, chữa bệnh	Tiêu chí, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
9	Trang phục Khu vực phẫu thuật, gây mê hồi sức, người làm việc tại trung tâm tiệt khuẩn	- Áo: Chất liệu vải Kate ford Màu sắc: màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M²) ISO(3801:1977) 153.8±0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) 252x264 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C, Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 67.5 ± 0.5, Cotton 32.5 ± 0.5 '- Quần: Nam: Chất liệu vải: Kaki không thun Màu sắc: Trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M²) (ISO 3821:1977) 229.1 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/cm) (ISO 7211-2:1984) 460x236 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010), Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 88.9 ± 0.5 Cotton 11.1 ± 0.5 Nữ: Chất liệu vải: Kaki thun Màu sắc: trắng Khối lượng vải (G/M²) (ISO 3801:1977) 246.2 ±0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) 456x332 ±2 Độ bền màu giặt ở 40°C, () (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010) Phai màu 4-5 Định tính và định lượng	Bộ	8		

STT	Trang phục	Tiêu chí, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		nguyên liệu (%)(ISO 1833: 2019) Polyester 73.2 $\pm$ 0.5 Rayon 24.5 $\pm$ 0.5 Spandex 2.3 $\pm$ 0.5				
10	Áo Khu vực phẫu thuật, gây mê hồi sức, người làm việc tại trung tâm tiết khuẩn	- Áo: Chất liệu vải Kate ford Màu sắc: màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M ²) ISO(3801:1977) 153.8 $\pm$ 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) 252x264 $\pm$ 2 Độ bền màu giặt ở 40°C, Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%)(ISO 1833:2019) Polyester 67.5 $\pm$ 0.5, Cotton 32.5 $\pm$ 0.5	Cái	8		
11	Trang phục Nhân viên tiếp đón, hành chính, thu ngân	-Áo:Chất liệu vải: Kate Màu sắc: trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M ²) (ISO 3801:1977) 110.0 $\pm$ 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) 368x300 $\pm$ 2 Độ bền màu giặt ở 40°C, (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010) Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%)(ISO 1833: 2019) Polyester 79.1 $\pm$ 0.5 Rayon 20.9 $\pm$ 0.5 'Quần:Chất liệu: Kaki thun Màu sắc: xanh đen Thành phần: Khối lượng vải (G/M ²) (ISO 3801: 1977) 255.8 $\pm$ 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm)(ISO 7211-2:1984) 460x336 $\pm$ 2 Độ bền màu giặt 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010), Phai màu 2-5	Bộ	48		

STT	Trang phục	Tiêu chí, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 72.2 ± 0.5 Rayon 24.1 ± 0.5 Spandex 3.7 ± 0.5				
12	Áo Nhân viên tiếp đón, hành chính, thu ngân	-Áo:Chất liệu vải: Kate Màu sắc: trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M²) (ISO 3801:1977) 110.0 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) $368 \times 300 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C, (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010) Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 79.1 ± 0.5 Rayon 20.9 ± 0.5	Cái	48		
13	Trang phục Kỹ thuật viên thiết bị y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe ô tô cấp cứu	-Áo:Chất liệu vải: Kate ford Màu sắc: xanh đen Thành phần: Khối lượng vải (G/M²) (ISO 3801:1977) 162.0 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) $256 \times 268 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C, (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010) Phai màu 3-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 65.5 ± 0.5 Cotton 34.5 ± 0.5 'Quần:Chất liệu: Kaki Màu sắc: xanh đen Thành phần: Khối lượng vải (G/M²) (ISO 3801:1977) 239.4 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) $460 \times 232 \pm 2$ Độ bền màu giặt 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010),	Bộ	22		

STT	Trang phục	Tiêu chí, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Phai màu 1-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 87.9 ± 0.5 Cotton 12.1 ± 0.5				
14	Áo Kỹ thuật viên thiết bị y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe ô tô cấp cứu	-Áo: Chất liệu vải: Kate ford Màu sắc: xanh đen Thành phần: Khối lượng vải (G/M^2) (ISO 3801:1977) 162.0 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) $256 \times 268 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở $40^\circ C$, (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010) Phai màu 3-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 65.5 ± 0.5 Cotton 34.5 ± 0.5	Cái	22		
15	Trang phục Nhân viên bảo vệ	-Áo: Chất liệu vải: Kate ford Màu sắc: xanh coban Thành phần: Khối lượng vải (G/M^2) (ISO 3801:1977) 153.6 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) $256 \times 268 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở $40^\circ C$, (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010) Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 67.2 ± 0.5 Cotton 32.8 ± 0.5 'Quần: Chất liệu: Kaki Màu sắc: xanh đen Thành phần: Khối lượng vải (G/M^2) (ISO 3801:1977) 239.4 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) $460 \times 232 \pm 2$ Độ bền màu giặt $40^\circ C$ (Cấp)	Bộ	8		

STT	Trang phục	Tiêu chí, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		(ISO 105-C06 A1S:2010), Phai màu 1-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%)(ISO 1833:2019) Polyester 87.9 ± 0.5 Cotton 12.1 ± 0.5				
16	Áo Nhân viên bảo vệ	-Áo:Chất liệu vải: Kate ford Màu sắc: xanh coban Thành phần: Khối lượng vải (G/M ²)(ISO 3801:1977) 153.6 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm) (ISO 7211-2:1984) $256 \times 268 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C, (Cấp)(ISO 105-C06 A1S:2010) Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%)(ISO 1833: 2019) Polyester 67.2 ± 0.5 Cotton 32.8 ± 0.5	Cái	8		
17	Trang phục Hộ lý, y công, nhân viên giặt là	-Áo:Chất liệu vải: Kate ford Màu sắc: xanh hòa bình Thành phần: Khối lượng vải: (G/M ² Spandex) (ISO3801:1977) 151.8 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm)(ISO 7211-2:1984) $252 \times 264 \pm 2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010), Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu(%)(ISO 1833:2019) Polyester 67.9 ± 0.5 Cotton 32.1 ± 0.5 '- Quần: Chất liệu vải: Kaki thun Màu sắc: xanh hòa bình Thành phần: Khối lượng vải (G/M ²) (ISO 3801: 1977) 251.3 ± 0.2	Bộ	4		

STT	Trang phục	Tiêu chí, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Mật độ vải (Sợi/10cm)(ISO 7211-2:1984) 460x384 ± 2 Độ bền màu giặt 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010) Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 73.5 ± 0.5 Rayon 23.9 ± 0.5 Spandex 2.6 ± 0.5				
18	Áo Hộ lý, y công, nhân viên giặt là	-Áo:Chất liệu vải: Kate ford Màu sắc: xanh hòa bình Thành phần: Khối lượng vải: (G/M ² Spandex) (ISO3801:1977) 151.8 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10cm)(ISO 7211-2:1984) 252x 264 ± 2 Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) (ISO 105-C06 A1S:2010), Phai màu 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu(%) (ISO 1833:2019) Polyester 67.9 ± 0.5 Cotton 32.1 ± 0.5	Cái	4		

- Yêu cầu:

+ Phiếu chào giá đã bao gồm VAT và chi phí, thời gian thực hiện, hiệu lực của báo giá.

- Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 27/02/2024 đến ngày 07/03/2024.

- Nơi nhận báo giá: Phòng Tổ Chức Hành Chính, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Kiên Giang (ấp Hòa Thuận, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang). Điện thoại 02973.619.909. *TCM*

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các công ty, đơn vị.
- Lưu VT, TCHC.

